TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, T phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, T phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 926/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132 ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 159/5 T, Phường S, Quận 10, T phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 107A-B T, Phường M, Quận 5, T phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, Ông Bùi Hiếu M (Giấy ủy quyền ngày 13/11/2024).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Ngô C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 280/33/4 C, Phường X (nay là Phường C), Quận 3, T phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Ngô T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 9/3 đường số 7 Cư xá Đô T, Phường X, QUận 3, T phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T có cho bà Ngô C vay nhiều lần với tổng số tiền là 343.000.000 đồng theo Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) ngày 10/09/2024, theo đó, bà C xác nhận đang nợ tôi số tiền:

- Nợ gốc là: 343.000.000 dồng.
- Nợ lãi đến ngày 31/7/2024 là: 37.000.000 đồng.
- Lãi suất: 1.6%/tháng, áp dụng từ ngày 01/8/2024 cho đến khi bà C trả hết nợ.
- Thời hạn thanh toán như sau:

Đợt 1: Từ ngày 10/09/2024 đến ngày 31/10/2024, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số tiền lãi còn nợ là: 37.000.000 đồng. Đợt 2: Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số tiền 59.500.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc: 43.000.000 + Tiền lãi của tháng 8, 9, 10/2024 là: 16.500.000 đồng. Đợt 3: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là: 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo lãi suất đã thỏa thuận. Mỗi tháng bà C phải trả ít nhất 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và trả đủ tiền lãi tháng đó. Thỏa thuận là như vậy, nhưng quá thời hạn thanh toán Đợt 1, bà C vẫn không trả tiền. Ngày 01/11/2024, ông T đã nhắn tin cho bà C thông qua ứng dụng Zalo để yêu cầu bà C thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi nhưng bà C liên tục hẹn đi hẹn lại mà không hề thực hiện nghĩa vụ của mình, là vi phạm cam kết theo Bản thỏa thuận đã ký ngày 10/09/2024.

Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô C thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 là 399.109.995 đồng:

1/ Số tiền nợ gốc là 343.000.000 đồng và tiền nợ lãi chưa thanh toán đến ngày 31/7/2024 là 37.000.000 đồng.

2/ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (lãi suất 1,6%/tháng) tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày 7/11/2024 là 17.681.884 đồng.

3/ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với lãi suất là 2.4%/tháng (150% mức lãi suất vay) tính từ ngày 8/11/2024 đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với số tiền nợ gốc quá hạn là 343.000.000 đồng là 1.353.205 đồng.

4/ Tiền lãi trên nợ lãi (37.000.000 đồng + 17.681.884 đồng = 54.681.884 đồng) với lãi suất 10%/năm từ ngày 8/11/2024 đến khi có quyết định đưa vụ án

ra xét xử: Tạm tính tiền lãi trên nợ lãi từ ngày 8/11/2024 đến ngày 13/11/2024 là 74.906 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Ngô T trình bày:

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại địa chỉ 107 A-B đường T, Phường 11, Quận 5, T phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1956 và bà Ngô Hông C, sinh năm 1973 có lập bản thỏa thuận xác nhận nợ và phương thức thanh toán nợ ghi cùng ngày 10/9/2024. Ông Nguyễn Văn T và Bà Ngô C có đọc lại và ký tên, lăn tay vào Văn bản thỏa thuận ngày 10/9/2024 với sự chứng kiến của ông Trí.

Tại phiên toà:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc buộc bà C thanh toán tiền lãi trên nợ lãi với lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 8/11/2024 đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là 74.906 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà C trả số tiền 432.841.096 đồng, gồm: tiền nợ gốc là 343.000.000 đồng và tiền nợ lãi chưa thanh toán đến ngày 31/7/2024 còn lại là 25.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (lãi suất 1,6%/tháng) tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày 7/11/2024 là 343.000.000 đồng x 1,6% x 3 tháng 07 ngày = 17.726.992 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với lãi suất là 2.4%/tháng (150% mức lãi suất vay) tính từ ngày 8/11/2024 đến ngày 29/4/2025 là 343.000.000 x 2.4% x 5 tháng 22 ngày = 47.114.104 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, phần lãi suất yêu cầu đến khi trả hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc buộc bà C thanh toán tiền lãi trên nợ lãi với lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 8/11/2024 đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là 74.906 đồng và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà C thanh toán 12.000.000 đồng trong số tiền lãi 37.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án*:

[3] Nguyên đơn ông T khởi kiện, yêu cầu bà C trả tiền vay nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Do bị đơn bà C có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng*:

[6] Bị đơn bà C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu Hoàng là vợ ông T xác nhận số tiền mà ông T cho bà C vay là tiền riêng của ông T, bà Hoàng không có liên quan đến vụ án, không có ý kiến, yêu cầu, khiếu nại nào. Xét thấy, quan hệ vay tiền là quan hệ giữa ông T và bà C, việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền, lợi ích bà Hoàng nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải đưa bà Hoàng tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T rút lại yêu cầu về việc buộc bà C thanh toán tiền lãi trên nợ lãi với lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 8/11/2024 đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là 74.906 đồng và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà C thanh toán 12.000.000 đồng trong số tiền lãi 37.000.000 đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) được lập ngày 10/09/2024 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[10] *Về yêu cầu của đương sự*:

[11] Nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án buộc bà C trả số tiền nợ là 399.109.995 đồng, gồm: tiền nợ gốc là 343.000.000 đồng và tiền nợ lãi chưa

thanh toán đến ngày 31/7/2024 là 37.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 17.681.884 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 1.353.205 đồng.

[12] *Về tính pháp lý của Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) được lập ngày 10/09/2024:*

[13] Về hình thức: là bản chính, có chữ ký và điểm chỉ của bên cho vay là Nguyễn Văn T, bên vay là Ngô C và người chứng kiến Ngô T nhưng tài liệu không được công chứng, chứng thực.

[14] Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Trí xác nhận vào ngày 10/9/2024, ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Hông C có lập bản thoa thuận xác nhận nợ và phương thức thanh toán nợ ghi cùng ngày 10/9/2024. Ông T và Bà C có đọc lại và ký tên, lăn tay vào Văn bản thỏa thuận ngày 10/9/2024.

[15] Xét, căn cứ quy định Khoản 3 Điều 94, Khoản 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và lời khai của đương sự, có đủ cơ sở xác định hai ngón điểm chỉ, chữ ký và chữ viết Ngô C tại Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) được lập ngày 10/09/2024 là do bà Ngô C điểm chỉ, ký tên và viết tên. Như vậy, tài liệu này là có thật và là chứng cứ được Hội đồng xét xử sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[16] *Về nợ gốc*:

[17] Căn cứ Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) được lập ngày 10/09/2024 có cơ sở xác định bà C vay tiền và nợ ông T tiền gốc là 343.000.000 đồng, lãi đến ngày 31/7/2024 là 37.000.000 đồng.

[18] Như nhận định trên, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà C thanh toán 12.000.000 đồng trong số tiền lãi 37.000.000 đồng nên nợ lãi đến ngày 31/7/2024 là 25.000.000 đồng.

[19] Ngoài ra, phía bị đơn bà C đã được nguyên đơn ông T thông báo về việc trả nợ gốc và lãi trong một thời hạn nhất định nhưng bà C không thanh toán mặc dù đã quá thời hạn thông báo.

[20] Xét, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định cho đến nay bà C còn nợ ông T tiền gốc là 343.000.000 đồng, lãi đến ngày 31/7/2024 là 25.000.000 đồng theo Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) được lập ngày 10/09/2024. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn ông T về việc buộc bị đơn bà C trả tiền gốc là 343.000.000 đồng, lãi đến ngày 31/7/2024 là 25.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] *Về tiền lãi*: nguyên đơn ông T yêu cầu bà C trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (lãi suất 1,6%/tháng) tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày 7/11/2024 là 17.726.992 đồng. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với lãi suất là 2.4%/tháng (150% mức lãi suất vay) tính từ ngày 8/11/2024 đến ngày 29/4/2025 là 47.114.104 đồng.

[22] Tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ của bên vay:

"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

[23] Về lãi trên nợ gốc trong hạn:

[24] Tại Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) ngày 10/9/2024, hai bên thỏa thuận:

[25] "Điều 2: lãi suất cho vay là 1,6%/tháng, áp dụng từ ngày 01/8/2024".

[26] "Điều 3: đợt 2…..tiền lãi tháng 8/2024, tháng 9/2024, tháng 10/2024…. Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại bất kỳ lần thanh toán nào nêu trên Bên A được quyền yêu cầu Bên B trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi chưa thanh toán trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bên A gửi thông báo cho bên B qua tin nhắn zalo hoặc tin nhắn điện thoại".

[27] Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, tin nhắn trao đổi của ông T thể hiện nội dung ông T thông báo cho bà C về việc bà C đã trễ thanh toán nên thu hồi nợ vốn và lãi trong 07 ngày từ ngày 01/11/2024.

[28] Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông T về tính lãi trên nợ gốc là 1,6%/tháng áp dụng từ ngày 01/8/2024 đến hết ngày 07/11/2024 là sau 07 ngày kể từ ngày thông báo là ngày 01/11/2024 và lãi trên gốc quá hạn là 2.4%/tháng (150% trên lãi suất vay 1,6%/tháng) áp dụng từ ngày 08/11/2024 đến ngày 29/4/2025 là phù hợp quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày 7/11/2024 là 17.726.992 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 8/11/2024 đến ngày 29/4/2025 là 47.114.104 đồng.

[29] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T, buộc bị đơn bà C trả số tiền 434.808.944 đồng gồm nợ gốc là 343.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/7/2024 là 25.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 17.726.992 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn 47.114.104 đồng.

[30] *Về thời hạn thanh toán*: nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn bà C trả tiền nợ gốc và lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[31] Căn cứ Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) ngày 10/9/2024 và tài liệu chứng cứ tong hồ sơ có cơ sở xác định đã quá thời hạn thanh toán nhưng đến nay bà C chưa thanh toán gốc, lãi theo thỏa thuận.

[32] Tại Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì*

phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

[33] Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ trả số tiền 432.841.096 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[34] Xét, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà C đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[35] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn ông T được chấp nhận nên bị đơn bà C phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1, 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc:

Buộc bà Ngô C thanh toán số tiền 12.000.000 đồng trong số tiền nợ lãi đến ngày 31/7/2024 là 37.000.000 đồng theo Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) ngày 10/9/2024.

Buộc bà Ngô C thanh toán tiền lãi trên nợ lãi (37.000.000 đồng và 17.681.884 đồng, tổng cộng là 54.681.884 đồng) với lãi suất 10%/năm từ ngày 08/11/2024 đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử: tạm tính tiền lãi trên nợ lãi từ ngày 08/11/2024 đến ngày 13/11/2024 là 74.906 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T:

Buộc bà Ngô C phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 432.841.096 đồng gồm nợ gốc là 343.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/7/2024 là 25.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 17.726.992 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn 47.114.104 đồng theo Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) ngày 10/9/2024.

Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/4/2025 bà Ngô C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Bản thỏa thuận (V/v: Xác nhận nợ và phương thức trả nợ) ngày 10/9/2024 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô C phải chịu án phí là 21.313.644 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Bà Ngô C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Anh